TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 14-5-2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Thông báo về thời gian mở lại phiên toà số: 288/TB-TA ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1973; địa chỉ: 62 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1975; địa chỉ: 11 đường K, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản uỷ quyền ngày 08-6-2022). Ông N có mặt.

2. *Bị đơn*:

- Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: 115B đường L, tổ 2, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hoàng Minh P, sinh năm 1974; nơi thường trú: Tập thể T, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Lô H7, Khu công nghiệp Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản uỷ quyền ngày 13-6-2022 và ngày 15-5-2023). Ông P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là bà Phan Thị Kim O và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy N trình bày*:

Do có quen biết với nhau trước đó nên ngày 29-4-2021, bà Trần Thị Tuyết M có đến nhà và vay của bà Phan Thị Kim O 1.400.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà M cam kết trong vòng 3 tuần (tức đến ngày 20-5-2021) sẽ hoàn trả đầy đủ 1.400.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian vay cho bà O, với mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 6%/tháng. Bà M có viết 1 "*Giấy mượn tiền*" và giao cho bà O giữ.

Đồng thời, tại mặt sau của "*Giấy mượn tiền*" bà Trần Thị L cam kết sẽ chịu trách nhiệm đối với 1.400.000.000 đồng mà bà Trần Thị Tuyết M đã vay của bà O. Trường hợp bà M không chịu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà O thì bà L sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền này cho bà O.

Để đảm bảo cho khoản vay thì bà M và bà L có giao cho bà O các giấy tờ để làm tin, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 029685 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-8-2013, mang tên chủ sử dụng bà Trần Thị Tuyết M (Thửa đất số 61; tờ bản đồ số 27; diện tích 3835m^2; địa chỉ tại thôn 4, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 866023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 21-10-2019, mang tên chủ sử dụng bà Trần Thị L (Thửa đất số 50; tờ bản đồ số 2; diện tích 215,1m^2; địa chỉ tại thôn 4, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 454879 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-9-2013, mang tên chủ sử dụng chị A (Thửa đất số 13; tờ bản đồ số 44; diện tích 7.615m^2; địa chỉ tại thôn 3, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai). Bà M cam kết thửa đất này là của bà, bà chỉ nhờ con gái A đứng tên giúp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048002 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 16-9-2020; xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát số 81A-161.12, mang tên chủ sở hữu bà Trần Thị Tuyết M.

- 1 chứng minh nhân dân, họ và tên Trần Thị Tuyết M.

- 1 Sổ hộ khẩu hộ ông T.

Đến thời hạn như đã cam kết thì bà M, bà L không có khả năng hoàn trả cho bà O số tiền gốc trên. Theo đó, bà M và bà L chỉ trả tiền lãi hàng tháng cho bà O đến ngày 10-12-2021, tổng cộng là 630.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 11-12-2021 đến nay, bà M và bà L không chịu thanh toán cho bà O số tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Mặc dù bà O đã rất nhiều lần yêu cầu bà M, bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho bà O nhưng bà M, bà L cứ hẹn mà không chịu trả. Qua tìm hiểu thì bà O được biết sau khi thế chấp bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên cho bà O thì bà M đã đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai để báo mất bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô con này và đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên.

Ngay sau khi biết được sự việc bà Trần Thị Tuyết M trình báo việc mất giấy gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe và đã được cấp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mới thì bà O đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai để yêu cầu xem xét xử lý hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà M và bà L theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận đơn tố cáo của bà O thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã mời bà M, bà L lên làm việc. Quá trình điều tra, xác minh thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã kết luận bà M, bà L không có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà O, đồng thời hướng dẫn bà O khởi kiện bà M và bà L tại Toà án.

Vì vậy, bà O khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc: Buộc bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Kim O 1.400.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử, giải quyết vụ án là 852.373.914 đồng; sau khi trừ 630.000.000 đồng tiền lãi đã nhận, bà O yêu cầu bà M và bà L tiếp tục trả số tiền lãi còn lại là 222.273.914 đồng.

2. *Bị đơn là bà Trần Thị Tuyết M, bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Minh P trình bày*:

Ngày 02-6-2022, ông bà nhận được Thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án dân sự số 194/2022/TLST-DS, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Đơn khởi kiện của bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1973, địa chỉ: 62 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Về nội dung Thông báo thụ lý số 204/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố P ngày 02-6-2022, ông bà không đồng tình về việc Tòa án thụ lý Đơn khởi kiện của bà Phan Thị Kim O. Lý do: Vụ việc này là một vụ án hình sự đã được Đội Cảnh sát hình sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P ghi nhận quả tang vào ngày 10-12-2021. Tiếp sau đó là gần chục vụ án phát sinh từ vụ việc này. Hiện Đội Cảnh sát hình sự, Đội Điều tra tổng hợp Công an thành phố P đang thụ lý. Đối với số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và 112.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.512.000.000 đồng được ghi trong thông báo là không đúng với việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đang thụ lý, bởi ở đây số tiền nợ gốc

1.400.000.000 đồng là O cho vay nặng lãi và O đã lấy lãi 630.000.000 đồng tiền cho vay nặng lãi.

Ông bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P không thụ lý vụ án đã nêu trong Thông báo số 204/TB-TLVA theo đúng quy định của pháp luật.

Ông đề nghị Toà án không thụ lý hoặc xét xử khi mà ông cho rằng Thông báo số 953/TB-CSHS ngày 11-4-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P là giả mạo và khi cơ quan điều tra cùng các cơ quan chức năng liên quan chưa làm rõ sự giả mạo của văn bản Thông báo số 953/TB-CSHS ngày 11-4-2022. Một lần nữa, ông đề nghị Toà án không sử dụng Thông báo số 953/TB-CSHS ngày 11-4-2022 mà ông cho là giả mạo này để xét xử - để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà M và bà L.

Tại phiên tòa,

- Ông Nguyễn Duy N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị Kim O.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim O.

Buộc bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L phải liên đới trả cho bà Phan Thị Kim O 1.400.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến nay với mức lãi suất 20%/năm như đề nghị của nguyên đơn.

Buộc bà Phan Thị Kim O phải trả cho bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L bản gốc của 3 Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 1 Giấy chứng minh nhân dân và 1 sổ hộ khẩu đã thế chấp.

Bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Kim O khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L, bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 31-5-2022, bà Phan Thị Kim O không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền nợ gốc:

Ngày 29-4-2021, bà Trần Thị Tuyết M vay của bà Phan Thị Kim O 1.400.000.000 đồng với thời hạn vay là 3 tuần; lãi suất do hai bên thoả thuận là 2.000 đồng/triệu/ngày (tương đương là 6%/tháng).

Đồng thời, bà Trần Thị L cam kết sẽ chịu trách nhiệm đối với 1.400.000.000 đồng mà bà Trần Thị Tuyết M đã vay của bà Phan Thị Kim O. Trường hợp bà Trần Thị Tuyết M không chịu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà Phan Thị Kim O thì bà Trần Thị L sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền này cho bà Phan Thị Kim O.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Phan Thị Kim O giao nộp chứng cứ là bản chính của "*Giấy mượn tiền*" đề ngày 29-4-2021 (*được Tòa án đánh bút lục từ số 250*).

Do bên vay không trả nợ khi đến hạn nên bà Phan Thị Kim O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và bà L phải liên đới trả cho bà O 1.400.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi của số tiền này với lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 11-12-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà M và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà O khởi kiện là có căn cứ.

Tại dòng thứ 1 đến dòng thứ 4 từ trên xuống, trang 2 của Biên bản lấy lời khai ngày 23-02-2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai (*được Tòa án đánh bút lục từ số 229 đến số 230*), bà Trần Thị Tuyết M khai với nội dung: "*Số tiền hiện nay tôi còn nợ chị O là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc. Tôi đã trả lãi cho chị O số tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho đến ngày 11-12-2021* ".

Từ dòng thứ 21 từ trên xuống, trang 2 cho đến dòng thứ 9 từ trên xuống, trang 3 của Biên bản lấy lời khai ngày 22-02-2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai (*được Tòa án đánh bút lục từ số 225 đến số 226*), bà Trần Thị L khai với nội dung: "*Khoảng tháng 4/2021, do dịch bệnh nên một số đối tác của Công ty chưa thanh toán tiền nên Công ty chưa thu được các nguồn thu nên dẫn đến khó khăn tạm thời về tài chính, bà M có nói với tôi nghe về vấn đề này nên tôi có đồng ý cho bà M mượn một bìa đỏ số CP 866023 địa chỉ tại thôn 4, xã Đ, TP.P để bà M thế chấp vay tiền để chi phí hoạt động của Công ty. Ngày 29-4-2021, bà M dẫn tôi đến nhà một người ở đường T và gặp bà N để vay tiền, đây là lần đầu tiên tôi gặp bà N. Tại đây bà O cho bà M vay số tiền 1.400.000.000đ*

(Một tỷ bốn trăm triệu đồng), khi vay bà M cũng trình bày với bà O là Công ty đang gặp khó khăn tạm thời nên cần vay tiền để về lo các chi phí trước mắt của Công ty. Tôi thấy bà O đưa tiền cho bà M cầm, bà M cũng không đếm lại. Hai bên viết giấy mượn tiền, tôi không biết hai bên thoả thuận thời gian bao lâu, lãi suất như thế nào, cách thức trả như thế nào do bà M và bà O tự thoả thuận với nhau. Ngoài việc thế chấp bìa đỏ của tôi thì bà M còn thế chấp một số các bìa đỏ và tài sản khác tôi không rõ cụ thể. Do có bìa đỏ của tôi nên bà O viết phía sau Giấy mượn tiền nội dung là tôi chịu trách nhiệm với số tiền vay của bà O và cho tôi ký xác nhận. Sau đó tôi và bà M đi về".

Tại dòng thứ 9 đến dòng thứ 12 từ trên xuống, trang 4 của Biên bản lấy lời khai ngày 22-02-2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai (*được Tòa án đánh bút lục từ số 225 đến số 226*), bà Trần Thị L khai với nội dung: "*Tôi là người có tài sản thế chấp và bảo lãnh cho bà M vay của bà O nên tôi có trách nhiệm trả nợ cho bà O trong phạm vi tài sản thế chấp nếu bà M và Công ty không trả nợ cho bà O*".

Như vậy, có căn cứ xác định rằng, bà M và bà L vay của bà O 1.400.000.000 đồng; tuy cam kết thời hạn sẽ trả nợ gốc và tiền lãi cho bên cho vay, nhưng đến nay, bà M và bà L không thực hiện toàn bộ cam kết này, là sự kiên có thật; do đó, Hội đồng xét xử xử buộc bà M và bà L phải liên đới trả cho bà O 1.400.000.000 đồng nợ gốc.

[2.2] Về tiền lãi:

Nguyên đơn trình bày rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, bà M và bà L đã trả cho bà O tiền lãi từ ngày 29-4-2021 đến ngày 10-12-2021 là 630.000.000 đồng.

Tại dòng thứ 7 đến dòng thứ 9 từ trên xuống, trang 2 của Biên bản lấy lời khai ngày 23-02-2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai (*được Tòa án đánh bút lục từ số 229 đến số 230*), bà Trần Thị Tuyết M khai với nội dung: "*Khi vay chúng tôi thoả thuận lãi suất là 2.000đ (Hai ngàn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) một ngày* ".

Tại dòng thứ 7 đến dòng thứ 20 từ dưới lên, trang 2 của Biên bản ghi lời khai ngày 10-12-2021 tại Lô C1 Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (*được Tòa án đánh bút lục từ số 209*), ông Hoàng Minh P khai với nội dung: "*...Khi đến thì tôi có yêu cầu phía bên chị O cho tôi được biết là chị M tổng số tiền vay nợ là bao nhiêu, đã đóng lãi như thế nào. Thì phía bên chị O cung cấp là chị M có vay số tiền là 1,4 tỷ đồng từ ngày 29-4-2021 trước đó đã thanh toán đầy đủ tiền lãi khoảng 500 triệu (tôi không nhớ ai nói), tôi có hỏi hiện giờ còn bao nhiêu tiền lãi, thì phía bên chị O nói hiện giờ chị M còn 46 ngày chưa đóng lãi nhân với 2% là 128 triệu 8 trăm ngàn đồng. Tôi đồng ý trả số tiền lãi phía bên chị O yêu cầu, tôi có đưa 129 triệu cho kế toán của chị O, sau khi kiểm đếm tiền thì phía chị O trả lại cho tôi 200 ngàn đồng và tôi đã nhận lại để trên bàn* ".

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

"*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.".

Các đương sự đều thừa nhận rằng kể từ ngày 29-4-2021 đến ngày 10-12-2021, lãi suất mà bà M và bà L phải trả cho bà O là 6%/tháng; như vậy, lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng), tiền lãi mà bà M và bà L phải trả cho bà O được tính như sau:

Từ ngày 29-4-2021 đến ngày 14-5-2024 là 1110 ngày: 1.400.000.000 đồng x 1110 ngày x 1,677%/30 ngày = 851.506.849 đồng.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Duy N và ông Hoàng Minh P thừa nhận: Bà M và bà L đã trả cho bà O 630.000.000 đồng tiền lãi, vì vậy bà M và bà L phải tiếp tục trả cho bà O 221.506.849 đồng tiền lãi.

Tổng số nợ gốc và tiền lãi mà bà M và bà L phải trả cho bà O là: 1.400.000.000 đồng + 221.506.849 đồng = 1.621.506.849 đồng.

[2.3] Tại phiên toà, ông Hoàng Minh P cho rằng Hội đồng xét xử phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do như sau:

Ông phải tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông là người trả 128.800.000 đồng tiền lãi cho bà O.

Toà án căn cứ vào lời khai của Văn bản số 398/CV-CSĐT-Đ1 ngày 11-3-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai để đưa vụ án ra xét xử là chưa đúng.

Khi ông có nguyện vọng trả nợ gốc cho bà O và yêu cầu bà O trả lại các giấy tờ mà bà M đã đưa cho bà O giữ nhưng bà O không trả là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông và còn đưa người vào Công ty để gây thương tích cho ông.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Duy N thừa nhận bà O có nhận 128.800.000 đồng tiền lãi do ông P giao nhưng đây là tiền lãi mà bà M trả cho bà O, không liên quan gì đến ông P. Đồng thời, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc ông có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa ông Hoàng Minh P vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đồng thời, yêu cầu của ông Hoàng Minh P không thuộc một trong các căn cứ quy định tại Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của ông Hoàng Minh P.

[3] Đối với bản gốc của 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 1 Chứng nhận đăng ký xe ô tô, 1 Giấy chứng minh nhân dân và 1 Sổ hộ khẩu mà bà M và bà L thế chấp cho bà O khi vay tiền, việc thế chấp không được các bên tuân thủ theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự và Điều 188 của Luật đất đai nên không có hiệu lực, vì vậy sẽ buộc bà O phải trả lại cho bà M và bà L bản gốc của các giấy tờ nói trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim O.

Buộc bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L phải liên đới trả cho bà Phan Thị Kim O 1.621.506.849 đồng (trong đó có 1.400.000.000 đồng nợ gốc và 221.506.849 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Phan Thị Kim O có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Trần Thị Tuyết M bản gốc của các giấy tờ sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 029685 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-8-2013, mang tên chủ sử dụng bà Trần Thị Tuyết M (Thửa đất số 61; tờ bản đồ số 27; diện tích 3835m^2; địa chỉ tại thôn 4, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 454879 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-9-2013, mang tên chủ sử dụng bà A (Thửa đất số 13; tờ bản đồ số 44; diện tích 7.615m^2; địa chỉ tại thôn 3, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048002 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 16-9-2020; xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát số 81A-161.12, tên chủ xe Trần Thị Tuyết M.

- 1 Giấy chứng minh nhân dân, họ tên Trần Thị Tuyết M.

Bà Phan Thị Kim O có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Trần Thị L bản gốc của các giấy tờ sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 866023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 21-10-2019, mang tên chủ sử dụng bà Trần Thị L (Thửa đất số 50; tờ bản đồ số 2; diện tích 215,1m^2; địa chỉ tại thôn 4, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- 1 Sổ hộ khẩu, họ và tên chủ hộ T.

Nếu bà Phan Thị Kim O không thực hiện nghĩa vụ nói trên, bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại các giấy tờ nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Tuyết M và bà Trần Thị L phải liên đới chịu 60.645.205 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Phan Thị Kim O 28.680.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001849 ngày 02-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 14-5-2024.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền